

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2018

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đỗi;
2. Ông Nguyễn Chí Lin;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1274/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thúy H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Trần Trung N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị H có mặt, anh N có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2017, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy H trình bày: Chị H và anh N cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh N không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau. Chị H đã ly thân anh N từ tháng 6 năm 2015 đến nay. Nay chị H khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Chị Huỳnh Thị Thúy H yêu cầu ly hôn với anh Trần Trung N.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 07/10/2009, hiện đang sống với anh N. Khi ly hôn chị H đồng ý để anh N tiếp tục nuôi con chung và chị H cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Trần Trung N trình bày: Tại bản tự khai ngày 05/01/2018, anh N có ý kiến trình bày thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị H đã trình bày. Con chung có một con tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 07/10/2009, hiện đang sống với anh N. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy H không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, anh N bận công việc nên có đề nghị xử vắng mặt. Trước đề nghị của anh N, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Huỳnh Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Trung N, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Xét anh Trần Trung N có đề nghị xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 02/3/2009 nên hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N: Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh N không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay gây cãi nhau. Căn cứ bản tự khai ngày 05/01/2018, thì anh N thừa nhận thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn gia đình như lời trình bày của chị H, vợ chồng có thường xuyên cãi nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh N thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Từ đó, HĐXX xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, do anh Trần Trung N vắng mặt không tham gia hòa giải, chỉ cung cấp ý kiến trình bày nên HĐXX không có căn cứ công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn mà giải quyết cho chị Huỳnh Thị Thúy H và anh Trần Trung N được ly hôn theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Chị H và anh N đều thống nhất có một con chung Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 07/10/2009, hiện đang sống với anh N. Khi ly hôn, chị

H và anh N thống nhất anh N tiếp tục nuôi con. Do đó, HĐXX thấy chị H đồng ý để anh N tiếp tục nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai ngày 05/01/2018, anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Thúy H có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật. HĐXX xét việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thúy H và anh Trần Trung N xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy H phải chịu án phí ly hôn và án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Thúy H với anh Trần Trung N.

Chị Huỳnh Thị Thúy H được ly hôn với anh Trần Trung N.

2. Về con chung: Anh Trần Trung N được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 07/10/2009, hiện con Trần Ngọc Khánh V đang sống với anh N.

3. Về cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Thúy H phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Ngọc Khánh V sinh ngày 07/10/2009 mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu (tại thời điểm cấp dưỡng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu là 650.000đồng và mức cấp dưỡng nuôi con được thay đổi tăng theo mức lương tối thiểu). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thúy H và anh Trần Trung N xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thúy H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0001898 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị Huỳnh Thị Thúy H đã nộp xong.

Chị Huỳnh Thị Thúy H phải nộp 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước. Chị H chưa nộp.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã T (để biệt);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Khắc Linh Duy